

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2020
“*V/v tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và ông Phùng Đình Bàn

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/DSST ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Bích H, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm G, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Đỗ Gia T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 89 đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu Đ, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Vũ Thị L nên từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 và từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019 bà L có nhờ bà H mua lương thực, thực phẩm (rau, củ, quả, thịt) để bà L làm thực phẩm cung cấp cho công nhân tổng số tiền là 43.878.000,đ và bà L có vay của bà H số tiền 80.000.000đ mục đích để trả lương cho những người nấu ăn cho công nhân nơi bà L nhận hợp đồng nấu ăn và cung cấp thực phẩm. Khi nhờ mua hộ thực phẩm và vay tiền bà H và bà L chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn trả cũng như không thỏa thuận lãi suất. Sau đó bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán khoản tiền trên nhưng bà L không thanh toán nên bà H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố V. Quá trình giải quyết tại Tòa án nhân

dân thành phố V, bà L đã viết giấy nhận nợ số tiền 123.878.000đ và cam kết trả số tiền trên thành 06 kỳ cụ thể:

Kỳ 1: Ngày 30/10/2019 trả 30.000.000đ; kỳ 2: Ngày 30/11/2019 trả 20.000.000đ; kỳ 3: Ngày 30/12/2019 trả 20.000.000đ; kỳ 4: Ngày 30/01/2020 trả 20.000.000đ; kỳ 5: Ngày 30/02/2020 trả 20.000.000đ; kỳ 6: Ngày 30/3/2020 trả nốt số tiền còn lại. Sau đó bà H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố V đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Quá trình thực hiện cam kết bà L không thực hiện như cam kết và chưa trả bà H toàn bộ số tiền trên. Nay bà H yêu cầu bà L trả nợ số tiền 123.878.000đ, bà H không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2020 và Biên bản hòa giải ngày 11/6/2020, Bị đơn là bà Vũ Thị L trình bày:

Bà xác nhận số tiền bà còn nợ của bà H là 123.878.000đ (trong đó có 43.878.000đ tiền bà nợ bà H mua hộ thực phẩm và 80.000.000đ tiền bà vay của bà H). Toàn bộ khoản nợ và khoản vay trên bà và bà H chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn trả cũng như không thỏa thuận lãi suất. Nay bà H có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả nợ tổng số tiền trên bà đồng ý trả toàn bộ số nợ trên nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình bà đang khó khăn nên bà không có tiền để trả ngay. Bà đề nghị bà H cho bà thời gian đến tháng 06/2021 để bà thu xếp trả tiền cho bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 và Điều 158, 166, 274, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích H. Buộc bà Vũ Thị L trả bà Trần Bích H số tiền 123.878.000đ (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền còn nợ và số tiền vay nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp kiện đòi tài sản và hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Các đương sự cùng thống nhất xác định từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 và từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019 bà L có nhờ bà H mua lương thực, thực phẩm (rau, củ, quả, thịt...) số tiền là 43.878.000đ và bà L có vay của bà H số tiền 80.000.000đ. Khi nhờ mua hộ thực phẩm và vay tiền bà H và bà L chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn trả cũng như không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 01/10/2019 bà H và bà L đã thống nhất viết giấy bà L nhận nợ số tiền 123.878.000đ. Quá trình thực hiện cam kết bà L không thực hiện như cam kết và chưa trả bà H toàn bộ số tiền trên.

Xét thấy, đối với số tiền là 43.878.000đ bà L nhờ bà H mua hộ thực phẩm bà L có quyền đòi lại khoản tiền này theo quy định tại Điều 166, 274, 280 của Bộ luật dân sự. Đối với khoản tiền 80.000.000đ bà L vay của bà H là khoản vay ban đầu là không có kỳ hạn, không có lãi suất nhưng sau đó các bên thống nhất thỏa thuận các kỳ hạn trả nợ và không thỏa thuận lãi suất được quy định tại điều 470 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên quá trình thực hiện cam kết thỏa thuận các khoản nợ trên bà L không thanh toán được số tiền theo thỏa thuận của các kỳ nên và H yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ trên là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận toàn bộ 02 khoản nợ trên nhưng đề nghị được trả trả dần nhưng không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên yêu cầu của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 158, 166, 274, 280, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích H.

Buộc bà Vũ Thị L trả bà Trần Bích H số tiền 123.878.000đ (*một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Bích H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Trần Bích H số tiền 3.090.000đ (ba triệu không trăm chín mươi nghìn

đồng - do ông Đỗ Gia T nộp thay) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2017/0006715 ngày 05/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà Vũ Thị L phải chịu 6.193.900đ (sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi